CỤC THUẾ TỈNH GIA LAI
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC IA GRAI -CHƯPĂH

Số: 02 /CCTKV - NVQLT
Về việc phối hợp đôn đốc hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn nộp các khoản còn nợ liên quan đến đất đai đến 31/12/2022.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ia Grai, ngày 05 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Ia Grai.

Để đảm bảo tình hình thực hiện dự toán thu NSNN năm 2023 do HĐND huyện Ia Grai giao trên địa bàn huyện và Dự toán đã giao cho các xã, thị trấn năm 2023 cũng như đảm bảo tính pháp lý về thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách Nhà nước đối với các khoản liên đến đất đai.

Chi cục triển khai rà soát tình hình xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai và tình hình thực hiện nộp ngân sách nhà nước đối với hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đến 31/12/2022 trên địa bàn các xã, thị trấn thì tổng số hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện chưa thực hiện nộp ngân sách nhà nước là 646 hộ, tổng số tiền chưa thực hiện là 14.408.161.028 đồng. (Cụ thể: *Có bảng tổng hợp và chi tiết từng hộ gia đình, cá nhân các xã thị trấn kèm theo*).

Vì vậy, Chi cục đề nghị UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Ia Grai căn cứ danh sách còn nợ trên địa bàn, chỉ đạo các bộ phận chuyên môn của đơn vị mình thực hiện đôn đốc hộ gia đình, cá nhân còn nợ các khoản liên quan đến đất đai trên địa bàn liên hệ với Chi cục để xác định số tiền còn nợ và thực hiện nộp ngân sách nhà nước để hoàn thành dự toán ngân sách năm 2023 đã giao cũng như đảm bảo tính pháp lý về thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách Nhà nước đối với các khoản liên đến đất đai.

Thời gian thực hiện trước 31/03/2023.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Chi cục Thuế khu vực Ia Grai – Chư Păh thông qua Bộ phận Trước bạ - thu khác, số điện thoại 02693.844684 hoặc số di động 0914 076 236 (đ/c Tiến) để cùng trao đổi giải quyết.

Rất mong sự quan tâm phối hợp của UBND các xã, thị trấn trong việc đôn đốc thu nợ các khoản liên quan đến đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn. Tạo điều kiện để Chi cục làm tốt nhiệm vụ được giao ./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (P/ hợp);
- UBND huyện Ia Grai (b/cáo);
- Trưởng BCĐ chống thất thu NSNN huyện (b/cáo);
- Phòng Tài nguyên – Môi trường Ia Grai (để P/ hợp);
- Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện Ia Grai (P/hợp);
- Lãnh đạo CCT (b/cáo);
- Các Đội thuế liên xã 01 (P/hợp đôn đốc);
- Lưu: VT, NV.(15b).

CHI CỤC TRƯỞNG

CỤC THUẾ TỈNH GIA LAI
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC IA GRAI - CHƯPĂH

Nguyễn Trọng Bảo

MẪU: 01

SỔ THEO DÕI TÌNH HÌNH NỢ CÁC KHOẢN TIỀN SDĐ, TNCN, LPTB TỪ NGÀY 31/12/2022 TRỞ VỀ TRƯỚC
(ĐỐI VỚI TẤT CẢ HỒ SƠ CẤP MỚI LẺ, ĐẠI TRÀ ĐẤT Ở, NÔNG NGHIỆP, CHUYỂN NHƯỢNG)
XÃ IA KHA (SỐ NỢ ĐẾN NGÀY 31/12/2022)

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
1	1			Uông Thị Thuý	Thôn 1, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	118.451	10.500.000		10.618.451
2	1			Nguyễn Sơn	KP2-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	757.575	33.978.750		34.736.325
3	2			Nguyễn Thị Đào	KP5-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	234.000	22.500.000	918.000	23.652.000
4	3			Đỗ Ngọc Phúc	KP3, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	255.000	22.050.000		22.305.000
5	4			Phạm Thị Lan (đất H.Vương)	KP3, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	303.000	15.150.000	1.212.000	16.665.000
6	5			Nguyễn Mai	KP1-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	159.000	7.500.000		7.659.000
7	6			Trần Sơn	KP1-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	160.200	15.000.000	620.400	15.780.600
8	7			Huỳnh Công Phương	KP2-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	262.500	26.250.000	-	26.512.500
9	8			Bùi Văn Lập	KP3-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	412.500	41.250.000		41.662.500

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
10	9			Nguyễn Thị Dung	KP3-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	198.600	18.750.000		18.948.600
11	11			Nguyễn Văn Thư	KP3-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	224.520	22.350.000		22.574.520
12	12			Trần Chuồng	KP3-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	187.500	18.750.000		18.937.500
13	13			Bùi Văn Nghiệp	KP4-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	156.000	15.000.000	-	15.156.000
14	15			Nguyễn Thị Thùy	KP4-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	161.550	15.000.000	-	15.161.550
15	16			Nguyễn Văn Hạ	KP4-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	275.100	26.250.000	-	26.525.100
16	18			Hoàng Nguyễn	KP6-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	258.330	25.500.000		25.758.330
17	19			Phan Văn Tửu	KP6-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	225.000	-	-	225.000
18	20			Nguyễn Văn Thông (đất Lê Hồng Phong)	Xa Ia Grang- Ia Grai, Gia Lai	224.580	22.350.000		22.574.580
19	21			Nguyễn Văn Kinh (đất KP5)	Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	87.500	8.750.000	350.000	9.187.500
20	22			Phạm Thị Tịnh	KP6-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	405.000	40.500.000	1.620.000	42.525.000

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
21	23			Đinh Thị Thu	KP6-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	418.800	20.940.000		21.358.800
22	24			Hoàng Thị Hải	KP6-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	705.838	-	2.811.676	3.517.514
23	25			Trương Thị Quý Sang	KP2-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	171.630	-		171.630
24	26			Nguyễn Thị Thùy	KP4-TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	308.130	30.000.000	-	30.308.130
25	27			Tạ Ngọc Sơn	Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	265.512		1.056.024	1.321.536
26	28			Võ Nhật Tam (KP3)	KP3-Ia Kha -Ia Grai, Gia Lai	154.500	15.000.000	18.000	15.172.500
27	1			Bùi Đình Tứ	Thắng Trạch 1, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	82.625	16.000.000		16.082.625
28	2			Hà Ngọc Hiền	Thắng Trạch 1, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	105.000	21.000.000		21.105.000
29	3			Nguyễn Văn Khởi	Thắng Trạch 1, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	109.453	19.500.000		19.609.453
30	4			Nguyễn Đình Hùng	Thắng Trạch 1, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	104.763	19.500.000		19.604.763
31	1			Lê Văn Du	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	172.300	34.460.000		34.632.300
32	2			Phạm Thị Hoa	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	270.305	54.000.000		54.270.305

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
33	3			Đào Xuân Điện	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	234.600	23.460.000		23.694.600
34	4			Hoàng Văn Hạnh	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	324.425	54.000.000		54.324.425
35	5			Nguyễn Xuân Tùng	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	141.570	28.314.000		28.455.570
36	6			Lê Văn Hạnh	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	155.971	30.000.000		30.155.971
37	7			Lê Văn Hạnh	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	158.324	27.000.000		27.158.324
38	8			Phạm Thị Chung	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	279.629	27.000.000		27.279.629
39	9			Nguyễn Văn Cảnh	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	97.420	18.000.000		18.097.420
40	10			Nguyễn Thị Thủy	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	140.184	27.000.000		27.140.184
41	12			Nguyễn Đức Cử	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	154.596	15.000.000		15.154.596
42	13			Lê Thành An	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	154.988	30.000.000		30.154.988
43	14			Lê Văn Bảy	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	152.919	14.000.000		14.152.919

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
44	15			Lê Thị Hương	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	151.918	15.000.000		15.151.918
45	16			Đỗ Văn Đông	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	150.441	15.000.000		15.150.441
46	17			Đinh Xuân Định	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	361.158	27.000.000		27.361.158
47	18			Huỳnh Văn Tàu	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	371.080	27.000.000		27.371.080
48	19			Hà Thị Luyến	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	533.636	45.000.000		45.533.636
49	20			Lê Đình Chắt	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	158.656	30.000.000		30.158.656
50	21			Nguyễn Duy Tuấn	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	151.383	30.000.000		30.151.383
51	22			Trần Quang Hòa	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	234.940	45.000.000		45.234.940
52	23			Lê Văn Quý	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	199.522	15.000.000		15.199.522
53	24			Lê Đình Vụ	Thắng Cường, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	161.280	32.256.000		32.417.280
54	1			Nguyễn Văn Tú	Thắng Trạch 2, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	163.265	30.000.000		30.163.265

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
55	2			Đỗ Thị Đương	Thắng Trạch 2, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	402.558	39.000.000		39.402.558
56	3			Nguyễn Đăng Oai	Thắng Trạch 2, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	137.441	13.000.000		13.137.441
57	1			Ksor Thinh	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	222.048	15.000.000		15.222.048
58	2			Ksor Hnêng	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	283.909			283.909
59	3			Puih Chê	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	285.109			285.109
60	4			Siu Di	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	274.508			274.508
61	5			Puih Chách	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	242.808			242.808
62	6			Puih Yơng	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	277.931			277.931
63	7			Romah Quyêng	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	168.532	11.250.000		11.418.532
64	8			Romah Huom	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	155.109	22.500.000		22.655.109
65	9			Siu hảo	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	171.314	11.250.000		11.421.314

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
66	10			Ksor Hyơi	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	400.018			400.018
67	12			Puih Hyut	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	258.373			258.373
68	13			RơChâm Ưnh	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	186.221	11.250.000		11.436.221
69	14			RơChâm Nong	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	243.351			243.351
70	15			RơChâm Biếu	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	154.605	11.250.000		11.404.605
71	16			Rơmah Pong	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	143.990	22.500.000		22.643.990
72	17			Ksor Lol	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	405.740			405.740
73	18			Rơmah Ơ	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	211.387	15.000.000		15.211.387
74	19			Puih Mép	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	283.457			283.457
75	20			Rơmah Ying	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	132.489	11.250.000		11.382.489
76	21			Puih Ưk	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	267.781			267.781

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
77	22			Puih Blăng	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	128.292	11.250.000		11.378.292
78	24			Puih Uý	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	130.123	11.250.000		11.380.123
79	25			Romah Yiêú	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	225.397	15.000.000		15.225.397
80	26			Puih Lui	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	241.692			241.692
81	27			Ksor Nêm	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	320.617			320.617
82	28			Puih Blơm	Làng Kép - TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	248.555			248.555
83	2			Nguyễn Văn Thắng	Thắng Trạch 2, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	276.895	27.000.000		27.276.895
84	3			Thiều Hữu Tác	Thắng Trạch 2, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	291.595			291.595
85	4			Lê Đình Thông	Thắng Trạch 2, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	158.240	27.000.000		27.158.240
86	5			Nguyễn Xuân Hà	Thắng Trạch 2, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	139.165	27.000.000		27.139.165
87	1			Nguyễn Tuấn Tú	Ia Tô - Ia Grai - Gia Lai	176.547	33.000.000		33.176.547
88	2			Nguyễn Văn Sơn	Kim Thành - Ia Hrung - Ia Grai	178.350	35.670.000		35.848.350

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
89	3			Phạm Thị Thanh Bình	NT Ia Châm - Ia Tô - Ia Grai	114.290	21.600.000		21.714.290
90	2			Nguyễn Tấn Luận	Thắng Cường, TT Ia Kha	293.670	29.367.000		29.660.670
91	3			Nguyễn Đình Chín	Thôn 2, Thị trấn Ia Kha, Ia Grai	220.000	17.600.000		17.820.000
92	1			Hoàng Đình Văn	Thôn 2, Thị trấn Ia Kha, Ia Grai		2.400.000		2.400.000
93	1	16/04/15	8221095170	Trần Lợi	Khu đập tràn - IaKha - IaGrai - Gia Lai	343.720		1.374.880	1.718.600
94	2	16/04/15	8282561735	Trần Thị Hạnh	Khu đập tràn - IaKha - IaGrai - Gia Lai	559.080		2.236.320	2.795.400
95	3	01/07/15	8263320822	Hộ ông: Trần Văn Hiên và bà: Nguyễn Thị Thảo	Tổ dân phố 7, TT. Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	100.000		400.000	500.000
96	3	21/03/13	8204394928	Hộ ông: Lê Minh Sơn và bà: Đỗ Thị Hương	Thắng trạch 1 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	335.573	33.000.000	682.290	34.017.863
97	4	21/03/13	8328466357	Hộ ông: Nguyễn Văn Bắc và bà: Lê Thị Thùy Dương	Thắng trạch 1 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	111.745	20.000.000	400.000	20.511.745
98	5	21/03/13	8204395470	Hộ ông: Nguyễn Văn Lịch và bà: Lê Thị Thúy	Thắng trạch 1 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	569.738	52.500.000	178.950	53.248.688

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
99	11	11/11/15	8263317523	Hộ ông: Nguyễn Văn Cảnh và bà: Nguyễn Thị Thùy	Tổ dân phố 1 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	130.090	25.000.000	520.360	25.650.450
100	12	11/11/15		Hộ ông: Trương Ngọc Bình và bà: Vũ Thị Thảo	Tổ dân phố 1 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	87.500	17.500.000	-	17.587.500
101	13	20/11/15	8204396273	Nguyễn Hữu Hải	Thắng Trạch 1 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	133.005	24.000.000	532.020	24.665.025
102	14	20/11/15	8408855292	Nguyễn Đình Công	Thắng Trạch 2 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	200.000	40.000.000		40.200.000
103	15	30/11/15	8276364626	Lê Văn Duyệt	Tổ dân phố 5 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	275.000	55.000.000		55.275.000
104	1	24/08/16	8230540438	Hồ Phúc Văn	Thôn 2, TT Ia Kha, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	438.440	22.000.000	3.281.871	25.720.311
105	2	11/03/16	8100619077	Trần Bá Bích	Làng Yam - IaKha - IaGrai - Gia Lai	178.710	33.000.000	714.840	33.893.550
106	6	13/07/18	8537001852	Phạm Văn Tuyên - Lê Thị Thu Trang	Thôn Thắng Trạch 2 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	147.930	-	-	147.930
107	LTB2260309-TK0012424	31/05/22	8288284492	Nguyễn Văn Minh	Tổ dân phố 1 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	1.500.000			1.500.000
108	LTB2260309-TK0012425	31/05/22	8052718854	Lê Ngọc Long	Tổ 12, P. Tây Sơn, Pleiku, Gia Lai			6.000.000	6.000.000

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
109	LTB2260309-TK0012427	31/05/22	8288284492	Nguyễn Văn Minh	Tổ dân phố 1 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	1.000.000			1.000.000
110	LTB2260309-TK0012428	31/05/22	8052718854	Lê Ngọc Long	Tổ 12, P. Tây Sơn, Pleiku, Gia Lai			4.000.000	4.000.000
111	LTB2260309-TK0019948	25/07/22	8768060767	Dương Đình Thiết	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	624.000			624.000
112	LTB2260309-TK0019949	25/07/22	8768060767	Dương Đình Thiết	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội			11.480.000	11.480.000
113	LTB2260309-TK0022991	18/08/22	8772330688	Nguyễn Thị Hương	Liên Hồ, Liên Hà, Lâm Hà, Lâm Đồng	3.500.000			3.500.000
114	LTB2260309-TK0022992	18/08/22	8263320886	Phạm Phú Thuần	Tổ dân phố 7, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai			14.000.000	14.000.000
115	LTB2260309-TK0028769 TK0028770	19/10/22	8263318559	Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Thị Minh	Tổ dân phố 4, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia lai	394.200	64.240.000		64.634.200
116	LTB2260309-TK0028889	20/10/22	8517038879	Thân Thị Duyên	9A Nhất Chi Mai, P. 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	7.500.000			7.500.000
117	LTB2260309-TK0028890	20/10/22	8770222119	Mai Công Quang	Thôn Chư Hậu 6, Ia Bă, Ia Grai, Gia Lai			30.000.000	30.000.000
118	LTB2260309-TK0028891	20/10/22	8325805481	Lưu Khánh Tân	Tổ dân phố 5, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai			22.298.800	22.298.800
119	LTB2260309-TK0029187 TK0029188	25/10/22	8319542788	Lê Văn Cam - Trần Thị Huê	Thôn Thắng Trạch 1 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	117.480		1.805.456	1.922.936

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
120	LTB2260309-TK0031649	28/11/22	8603852400	Nguyễn Thị Nghĩa	Thôn Thắng Trạch 2 - IaKha - IaGrai - Gia Lai	821.633			821.633
121	LTB2260309-TK0031691	28/11/22	8789750401	Lê Thị Kim - Trần Đại Dần	TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai			3.286.533	3.286.533
122	LTB2260309-TK0032448 TK0032449	08/12/22	8706779174	Nguyễn Văn Đại	Đăk R'Tih, Tuy Đức, Đăk Nông	405.000	66.000.000		66.405.000
123	LTB2260309-TK0032474 TK0032475	08/12/22	8761616910	Nguyễn Đức Anh - Phạm Thị Thùy Vân	Tổ 4, Phường Thống Nhất, Pleiku, Gia Lai	270.000	44.000.000		44.270.000
124	LTB2260309-TK0032566	12/12/22	8051160239	Trần Thị Nho	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	649.350			649.350
125	LTB2260309-TK0032567	12/12/22	8557734752	Nguyễn Hữu Lệ	Giếng Êm, Nhuận Trạch, Lương Sơn, Hòa Bình			2.597.400	2.597.400
126	LTB2260309-TK0033047	19/12/22	8703252196	Nguyễn Văn Huỳnh - Trịnh Kim Thi	Thôn Cam 3, Cổ Bi, Gia Lâm, TP. Hà Nội	1.500.000			1.500.000
127	LTB2260309-TK0033048	19/12/22	8514629136	Phạm Văn Nghị - Nguyễn Thị Thơm	Thôn 11, Hòa Thắng, Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk			6.000.000	6.000.000
128	LTB2260309-TK0033246 TK0033247	20/12/22	8225321303	Uông Văn Chiến - Phan Thị Kim	Thôn 2, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	340.000	34.000.000		34.340.000
129	LTB2260309-TK0033279	22/12/22	8795322965	Trần Văn Anh - Võ Thị Nga	Thôn Thắng Trạch 2, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	500.000			500.000
130	LTB2260309-TK0033280	22/12/22	8600973291	Võ Thị Tuyến	Thôn Thanh Bình, Lộc Đức, Bảo Lâm, Lâm Đồng			2.000.000	2.000.000

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
131	LTB2260309-TK0033282	22/12/22	8795322965	Trần Văn Anh - Võ Thị Nga	Thôn Thắng Trạch 2, TT Ia Kha	750.000			750.000
132	LTB2260309-TK0033283	22/12/22	8600973291	Võ Thị Tuyến	Thôn Thanh Bình, Lộc Đức, Bảo Lâm, Lâm Đồng			3.000.000	3.000.000
133	LTB2260309-TK0033303	22/12/22	8795301429	Võ Văn Mại - Nguyễn Thị Tỵ	Tổ 4, P. Diên Hồng, Pleiku, Gia Lai	750.000			750.000
134	LTB2260309-TK0033304	22/12/22	8795300785	Nguyễn Minh Đức - Phan Thị Đào	Thôn 1, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai			3.000.000	3.000.000
135	LTB2260309-TK0033378	22/12/22	8636070159	Nguyễn Thị Phương Nga - TRương Võ Quốc Tuấn	TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	1.250.000			1.250.000
136	LTB2260309-TK0033379	22/12/22	8669281613	Nguyễn Thị Tuyết - Nguyễn Văn Bé	TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai			5.000.000	5.000.000
137	LTB2260309-TK0033617	27/12/22	8591075468	Đặng Thị Tuyết Nhung	KV Long Châu, Tân Lộc, Thốt Nốt, Cần Thơ	1.250.000			1.250.000
138	LTB2260309-TK0033618	27/12/22	8766058138	Hà Duy Bình - Nguyễn Kim Phụng	Tổ 11, Thái Phiên, P. 12, Đà Lạt, Lâm Đồng			5.000.000	5.000.000
139	LTB2260309-TK0033709 TK0033710	28/12/22	0801276095	Nguyễn Văn Định	Thôn Kiên Nhuệ, Vĩnh Lập, Thanh hà, Hải Dương	170.000	24.500.000		24.670.000
140	LTB2260309-TK0033711 TK0033712	28/12/22	2400256666	Đỗ Danh Tiến	Thôn Chàng, Viết Tiến, Việt Yên, Bắc Giang	170.000	24.500.000		24.670.000

STT	TB	Ngày TB	Mã số thuế	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền còn nợ			Tổng cộng
						LPTB	Sử dụng đất	TNCN	
141	LTB2260309-TK0033713 TK0033714 TK0033715	28/12/22	8797256228	Nguyễn Thị Biên	Tổ dân phố 4, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	618.600	54.000.000	2.474.400	57.093.000
142	LTB2260309-TK0033833	29/12/22	5800725540	Đỗ Đình Sơn	Thôn 7, Hòa Ninh, Di Linh, Lâm Đồng	1.500.000			1.500.000
143	LTB2260309-TK0033834	29/12/22	8689062514	Nguyễn Văn Thủy - Lê Thị Huệ	Thanh Quang, Thanh Hà, Hải Dương			6.000.000	6.000.000
144	LTB2260309-TK0033964	30/12/22	8000658675	Nguyễn Văn Bảy	Thôn 2, Xuân Du, Như Thanh, Thanh Hóa	1.750.000			1.750.000
145	LTB2260309-TK0033965	30/12/22	8551962801	Nguyễn Đức Ngư	Tổ dân phố 4, TT Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai			7.000.000	7.000.000
146	LTB2260309-TK0033707 TK0033708	28/12/22	8756818189	Nguyễn Xuân Thức	Đông Nam, Hiến Thành, Kinh Môn, Hải Dương	850.000	120.000.000		120.850.000
TỔNG CỘNG: 146 HỘ						**52.809.552**	**2.437.435.750**	**153.870.220**	**2.644.115.522**

CỤC THUẾ TỈNH GIA LAI
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC
IA GRAI - CHƯ PĂH

SỐ NỢ PHÁT SINH TỪ NGÀY 31/12/2022 TRỞ VỀ TRƯỚC
(SỐ CHẤM NỢ ĐẾN NGÀY 31/12/2022)

STT	Các xã, TT	Số hộ	LPTB	TSDĐ	TNCN	Tổng
1	TT Ia Kha	146	52.809.552	2.437.435.750	153.870.220	2.644.115.522
2	Ia Yok	28	10.785.135	314.979.500	33.191.339	358.955.974
3	Ia Krái	19	9.967.114	174.950.000	36.359.280	221.276.394
4	Ia Dêr	145	81.486.518	6.243.229.190	216.225.892	6.540.941.600
5	Ia Tô	22	10.819.815	62.300.000	41.789.416	114.909.231
6	Ia O	67	16.726.117	1.188.490.000	36.615.448	1.241.831.565
7	Ia Chía	19	7.451.777	154.010.000	24.634.000	186.095.777
8	Ia Sao	59	22.703.051	1.510.885.700	63.618.920	1.597.207.671
9	Ia Khai	1	244.755	36.000.000		36.244.755
10	Ia Hrung	43	19.119.251	395.301.100	60.504.105	474.924.456
11	Ia Bă	29	14.346.948	180.647.700	64.934.209	259.928.857
12	Ia Pếch	39	21.165.894	10.000.000	114.388.184	145.554.078
13	Ia Grăng	29	18.517.510	499.000.000	68.657.638	586.175.148
	Tổng cộng:	646	286.143.437	13.207.228.940	914.788.651	14.408.161.028